

UBND XÃ BÌNH MINH
Đơn vị: Trường Mầm non Bình Minh
Chương: 822

Biểu mẫu số 75

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Trường Mầm non Bình Minh công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2026 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	
	Dự toán thu					
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu học phí	142.7400	-			32.7600000
1	40% cải cách tiền lương	57.0960				13.1040000
2	60% hoạt động	85.6440				19.6560000
II	Chi từ nguồn thu phí để lại		24.9695	17.49%	134.04%	18.6283200
1	Chi sự nghiệp		24.9695	17.49%	134.04%	18.6283200
a	40% cải cách tiền lương		-			-
b	60% hoạt động		24.9695	29.15%	134.04%	18.6283200
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1	Lệ phí					
2	Phí					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4,038.754000	2,192.402393	54.28%	124.70%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	4,038.754000	2,192.402393	54.28%	124.70%	1,758.1060000
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ					
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ					
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo					
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	4,038.754000	2,192.402393	54.28%	124.7%	1,758.1063520
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3,497.543000	1,916.732393	54.80%	110.2%	1,739.2613520
3.1.1	Chi con người	2,973.543000	1,672.009364	56.23%	107.7%	1,552.588471
3.1.2	Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	52.400000	-			
3.1.3	Chi hoạt động	471.600000	244.7230290	51.89%	131.1%	186.67288
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	541.211000	275.670000	50.94%	1462.8%	18.8450000

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	
3.2.1	Chi mua sắm, sửa chữa	149.820000	149.820000	100.00%	2996.4%	5.0000000
3.2.1.1	<i>Chi mua sắm</i>	149.820000	149.820000	100.00%	2996.4%	5.0000000
3.2.1.2	<i>Chi sửa chữa</i>	-	-			-
3.2.2	Chi phụ cấp cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật	8.500000				-
3.2.3	Chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em từ 3-5 tuổi	12.600000	0.800000	6.35%	16.7%	4.8000000
3.2.4	Chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo nghị định số 238/2025/NĐ-CP của chính phủ	2.7				0.7500000
3.2.5	Chi miễn giảm học phí cho học sinh theo nghị định số 238/2025/NĐ-CP của chính phủ	169.150	125.050000	73.93%	1507.5%	8.2950000
3.2.6	Chi tiền thưởng Nghị định 73/2024	198.441	-			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
5	Chi đảm bảo xã hội					
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
II	Nguồn vốn viện trợ					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Dự án A					
1.2	Dự án B					
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
2.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Dự án A					
3.2	Dự án B					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Dự án A					
4.2	Dự án B					
5	Chi đảm bảo xã hội					
5.1	Dự án A					
5.2	Dự án B					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Dự án A					
6.2	Dự án B					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Dự án A					
7.2	Dự án B					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Dự án A					
8.2	Dự án B					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục, thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Thị Minh Tâm